

Bản án số: 1808/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/12/2022.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2/ Ông Huỳnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Ông Lê Quang Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1059/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 673/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 700/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1974. (có mặt)

* Bị đơn: Ông Dương Thành H, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Cùng thường trú: ấp X, xã K, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà và ông Dương Thành H tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 04 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2000, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phú, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/9/2001. Sau khi kết hôn hai vợ chồng xây nhà ở bên nhà chồng, hiện nay là ấp X, xã K, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài,...nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Thành H.

Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thuận Nh, sinh ngày: 04/6/2001 và Dương Thị Cẩm L1, sinh ngày: 05/11/2003. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, khai sinh con (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông H; Con chung: đã trưởng thành; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có; Về án phí bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã K, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Dương Thành H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, ngày 10/9/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà L thì mâu thuẫn giữa bà với ông H là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, không lo cho vợ, con. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông H không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung tên Dương Thuận Nh, sinh ngày: 04/6/2001 và Dương Thị Cẩm L1, sinh ngày: 05/11/2003. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ nhiều, thiếu Thư ký nên vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nghiêm chỉnh tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Dương Thành H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71, ngày 10/9/2001 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà L và ông H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Thuận Nh, sinh ngày: 04/6/2001 và Dương Thị Cẩm L1, sinh ngày: 05/11/2003. Hai con chung đã trưởng thành

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Thùy L phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0045026 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

